| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>THỊ XÃ ĐỨC PHỔ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số:1056/QĐ-UBND | *Đức Phổ, ngày 01 tháng 4 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Quang Trưởng, thường trú tại Tổ dân phố 5, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ

## ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND thị xã Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Khu dân cư đường Phạm Hữu Nhật (đợt 1); Địa điểm: phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 133/TTr-BQL ngày 28/3/2024;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 158/TTr-TNMT ngày 28/3/2024.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quyết định giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Quang Trưởng, thường trú tại Tổ dân phố 5, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu dân cư đường Phạm Hữu Nhật; Địa điểm: Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ với nội dung như sau:

| | | |
|---|---|---|
| 1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo phương án được duyệt | : | 55.369.225 đồng. |
| Trong đó | : | |
| - Bồi thường, hỗ trợ về mồ mả | : | 55.369.225 đồng. |

*(Có bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ kèm theo)*

2. Thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ: trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ông Lê Quang Trưởng nhận được Quyết định bồi thường, hỗ trợ.

3. Thời gian bàn giao mặt bằng trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

**Điều 2.** Quyết định này là căn cứ để Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Quang Trưởng và thanh quyết toán kinh phí bồi thường theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Sau thời gian quy định tại Điều 1 Quyết định này mà ông Lê Quang Trưởng không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao mặt bằng thì Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất gửi tiền vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc nhà nước Đức Phổ; giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất và UBND phường Nguyễn Nghiêm tham mưu cho UBND thị xã các bước thủ tục tiếp theo theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Nguyễn Nghiêm; Ông Lê Quang Trưởng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

***Nơi nhận***:
- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND thị xã;
- VP HĐND & UBND TX: PCVP, CV$_{thuận}$;
- Lưu: VT.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Sang**

UỶ BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TÍNH CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH: KHU DÂN CƯ ĐƯỜNG PHẠM HỮU NHẬT**
**Địa điểm: phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi**

*(Kèm theo Quyết định số: 1056 /QĐ-UBND ngày 01 / 4 /2024 của UBND thị xã Đức Phổ)*

**Họ và tên:** **Ông Lê Quang Trưởng**

**Ông: Lê Quang Trưởng** CCCD số: 051055000572

**Địa chỉ:** Tổ dân phố 5, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ

| STT | Hạng mục | ĐVT | Số thửa | Số lượng | Bồi thường (%) | Đơn giá (đồng) | Hệ số điều chỉnh giá đất | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **A** | **MỒ MẢ** | | | | | | | **55.369.225** |
| | Mộ xây (KH: M04): Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền láng xi măng; nhà mồ, phần thân mộ quét vôi. | m2 | 58 | 8,87 | 100% | 2.523.000 | | 22.377.749 |
| | Hỗ trợ di dời | cái | | 1 | 100% | 650.000 | | 650.000 |
| | Bậc cấp xây gạch | m3 | | 0,29 | 100% | 3.360.000 | | 979.776 |
| | Mộ xây (KH: M04): Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền láng xi măng; nhà mồ, phần thân mộ quét vôi. | m2 | 58 | 10,14 | 100% | 2.523.000 | | 25.583.220 |
| | Hỗ trợ di dời | cái | | 1 | 100% | 650.000 | | 650.000 |
| | Bậc cấp xây gạch | m3 | | 0,17 | 100% | 3.360.000 | | 564.480 |

| STT | Hạng mục | ĐVT | Số thửa | Số lượng | Bồi thường (%) | Đơn giá (đồng) | Hệ số điều chỉnh giá đất | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mộ đất bình thường (có bia đá hoặc không có bia đá) | cái | 58 | 1 | 100% | 3.914.000 | | 3.914.000 |
| | Hỗ trợ di dời | cái | | 1 | 100% | 650.000 | | 650.000 |
| **TỔNG CỘNG (A)** | | | | | | | | **55.369.225** |

***Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi chín ngàn, hai trăm hai mươi lăm đồng./.***